

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.03001	Nông Hoàng	An	17.09.1998		1754030001	K9A_TKDH		
2	.03002	An Thu Phương	Anh	07.11.1999		1754030104	K9C_TKDH		
3	.03003	Bùi Thị Lan	Anh	09.10.2000		1853420001	K12 QLVH		
4	.03004	Đinh Thị Tú	Anh	14.04.1999		1853420093	K12 QLVH		
5	.03005	Đỗ Mai	Anh	02.12.2000		1854040002	K12 TKTT		
6	.03006	Hà Thị Phương	Anh	31.01.2000		1853420046	K12 QLVH		
7	.03007	Hoàng	Anh	22.12.1999		1754030103	K9C_TKDH		
8	.03008	Hoàng Phương	Anh	07.07.2000		1854040001	K12 TKTT		
9	.03009	La Quang	Anh	04.02.2000		1852080003	K4 Piano		
10	.03010	Lê Ngọc	Anh	20.12.1998		1754030051	K9B_TKDH		
11	.03011	Lê Thị Kiều	Anh	25.08.1998		1654030053	K8B_TKDH		
12	.03012	Ngô Hải	Anh	29.02.2000		1852050001	K6A TN		
13	.03013	Nguyễn Hồng	Anh	07.12.2000		1854040006	K12 TKTT		
14	.03014	Nguyễn Thị Phương	Anh	26.10.2000		1852050003	K6A TN		
15	.03015	Nguyễn Thị Phương	Anh	23.06.1997		1652080002	K2 _Piano		
16	.03016	Nguyễn Thị Vân	Anh	19.06.1998		1754030102	K9C_TKDH		
17	.03017	Nguyễn Tuấn	Anh	10.12.2000		1852050039	K6B TN		
18	.03018	Nguyễn Việt	Anh	31.01.1997		1554030185	K7D_TKĐH		
19	.03019	Trần Thị Cao	Anh	04.04.2000		1854040003	K12 TKTT		
20	.03020	Trần Thị Lan	Anh	19.12.1999		1754030002	K9A_TKDH		
21	.03021	Trần Thị Lan	Anh	01.12.1998		1754030052	K9B_TKDH		
22	.03022	Trần Thị Ngọc	Anh	27.08.2000		1852050004	K6A TN		
23	.03023	Trần Thị Ngọc	Anh	26.10.2000		1854040005	K12 TKTT		
24	.03024	Vũ Ngọc	Anh	17.03.1999		1752040001	K1_CNM		
25	.03025	Vũ Phương	Anh	01.02.1996		1852080002	K4 Piano		
26	.03026	Vũ Tú	Anh	04.02.1999		1852080001	K4 Piano		
27	.03027	Ngô Hồng	ánh	17.04.2000		1853420003	K12 QLVH		
28	.03028	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	16.09.2000		1854040007	K12 TKTT		
29	.03029	Vũ Ngọc	ánh			vungocanh	K4B TKĐH		
30	.03030	Vũ Thị	ánh	23.10.1999		1754030106	K9C_TKDH		
31	.03031	Vũ Thị Ngọc	ánh	10.04.2000		1852340002	K4 DVK-DA		

Tổng số 31 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG THI

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.03032	Cao Thị Ngọc	Bích	25.09.1999		1754040049	K11B_TKTT		
2	.03033	Chư A	Cháng	15.02.1997		1652080003	K2_Piano		
3	.03034	Nguyễn Minh	Châu	23.03.2000		1854040008	K12 TKTT		
4	.03035	Nguyễn Nhật Minh	Châu	28.10.1999		1751030001	K4 HH		
5	.03036	Nguyễn Thị	Chi	26.09.2000		1853420005	K12 QLVH		
6	.03037	Nguyễn Thị Huệ	Chi	28.12.1999		1754030054	K9B_TKDH		
7	.03038	Nguyễn Thị Quê	Chi	28.10.2000		1854040069	K12 TKTT		
8	.03039	Nguyễn Thị	Chung	07.10.1999		1754030003	K9A_TKDH		
9	.03040	Đỗ Cao	Cường	11.10.2000		1853420007	K12 QLVH		
10	.03041	Phạm Thị	Diệp	19.07.2000		1854040009	K12 TKTT		
11	.03042	Phạm Thị Hoàng	Diệu	05.02.1999		1754030108	K9C_TKDH		
12	.03043	Nguyễn Ngọc	Dung	24.06.2000		1854040010	K12 TKTT		
13	.03044	Lê Trí	Dũng	20.09.2000		1853420066	K12 QLVH		
14	.03045	Nguyễn Tiến	Dũng	13.02.1999		1754030009	K9A_TKDH		
15	.03046	Khúc Thị	Duyên	13.01.2000		1853420086	K12 QLVH		
16	.03047	Mai Thu	Duyên	04.10.1999		1754030111	K9C_TKDH		
17	.03048	Nguyễn Mỹ	Duyên	03.10.1997		1754040050	K11B_TKTT		
18	.03049	Bùi Trần	Dương	27.04.1999		1754030010	K9A_TKDH		
19	.03050	La Thị Thùy	Dương	29.11.1999		1754030058	K9B_TKDH		
20	.03051	Nguyễn Khánh	Dương	30.08.1998		1654030009	K8A_TKDH		
21	.03052	Nguyễn Thiên	Dương	09.12.1997		1554030197	K7D_TKDH		
22	.03053	Phạm Thị Thùy	Dương	09.03.1999		1754030110	K9C_TKDH		
23	.03054	Nguyễn Quang	Đảng	13.07.1999		1754030004	K9A_TKDH		
24	.03055	Nguyễn Trung	Đạt	16.07.1998		1654030061	K8B_TKDH		
25	.03056	Triệu Gia	Đạt	25.12.2000		1853420009	K12 QLVH		
26	.03057	Trịnh Xuân	Đạt	10.12.1999		1754040061	K11B_TKTT		
27	.03058	Trần Minh	Đức	24.06.1999		1854040011	K12 TKTT		
28	.03059	Trần Trung	Đức	16.03.1999		1754030007	K9A_TKDH		
29	.03060	Hoàng Thị Trà	Giang	11.04.1999		1754030011	K9A_TKDH		
30	.03061	Hương Thị Hương	Giang	27.06.2000		1854040012	K12 TKTT		
31	.03062	Nguyễn Minh	Giáng	29.12.2000		1853420083	K12 QLVH		

Tổng số 31 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG THI

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.03063	Nguyễn Hải Ngân	Hà	23.03.1999		1754030012	K9A_TKDH		
2	.03064	Phạm Thị	Hà	23.12.2000		1854040013	K12 TKTT		
3	.03065	Quách Long	Hải	17.09.2000		1852050010	K6A TN		
4	.03066	Đặng Thị	Hạnh	25.02.1999		1754030113	K9C_TKDH		
5	.03067	Hoàng Thị	Hạnh	09.08.1989		1852040007	K2 CNM		
6	.03068	Mai Lê Thúy	Hạnh	14.07.2000		1853420012	K12 QLVH		
7	.03069	Nguyễn Thị Huyền	Hạnh	05.02.1999		1754030061	K9B_TKDH		
8	.03070	Phí Hải	Hạnh	21.05.1999		1754030014	K9A_TKDH		
9	.03071	Trần Thị	Hảo	26.10.1999		1853420052	K12 QLVH		
10	.03072	Trịnh Thị Linh	Hàng	19.11.1998		1654030065	K8B_TKDH		
11	.03073	Ân Thị Minh	Hàng	13.04.2000		1852050058	K6B TN		
12	.03074	Nguyễn Thị	Hàng	22.09.2000		1854040067	K12 TKTT		
13	.03075	Lưu Thu	Hiền	12.10.2000		1854040015	K12 TKTT		
14	.03076	Nguyễn Lê Thanh	Hiền	26.06.1999		1754030062	K9B_TKDH		
15	.03077	Nguyễn Thu	Hiền	17.10.2000		1854040016	K12 TKTT		
16	.03078	Vũ Thị Thúy	Hiền	25.05.2000		1853420014	K12 QLVH		
17	.03079	Bạch Ngọc	Hiệp	01.10.1999		1853420015	K12 QLVH		
18	.03080	Nguyễn Thị	Hiệp	08.06.2000		1852080009	K4 Piano		
19	.03081	Lê Trung	Hiếu	27.03.1999		1754030016	K9A_TKDH		
20	.03082	Lương Thị	Hoa	02.08.1998		1754030114	K9C_TKDH		
21	.03083	Trần Mai	Hoa	04.06.2000		1852080011	K4 Piano		
22	.03084	Nguyễn Tương ánh	Hồng	27.03.1999		1754030115	K9C_TKDH		
23	.03085	Phạm Thị	Hồng	16.10.2000		1852040005	K2 CNM		
24	.03086	Cao Thị	Huệ	17.09.2000		1852050045	K6B TN		
25	.03087	Phạm Văn	Hùng	18.08.1997		1754030018	K9A_TKDH		
26	.03088	Bùi Quang	Huy	24.03.1996		1752080020	K3 Piano		
27	.03089	Nguyễn Tiến	Huy	11.10.1998		1754030068	K9B_TKDH		
28	.03090	Đoàn Thanh	Huyền	01.09.1999		1754030069	K9B_TKDH		
29	.03091	Lê Thị Thanh	Huyền	30.01.2000		1854040017	K12 TKTT		
30	.03092	Lê Thị Thu	Huyền	07.01.1999		1754030116	K9C_TKDH		
31	.03093	Nguyễn Thị	Huyền	12.04.1999		1853420020	K12 QLVH		

Tổng số 31 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG THI

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.03094	Phạm Thị Thanh	Huyền	20.08.2000		1852050014	K6A TN		
2	.03095	Trần Thị Thanh	Huyền	20.04.1999		1754030020	K9A_TKDH		
3	.03096	Đặng Mai	Hương	16.12.1994		1852050046	K6B TN		
4	.03097	Lương Thị Thu	Hương	10.08.2000		1854040019	K12 TKTT		
5	.03098	Ngô Thu	Hương	06.09.2000		1854040075	K12 TKTT		
6	.03099	Nguyễn Quỳnh	Hương	02.10.2000		1854040018	K12 TKTT		
7	.03100	Nguyễn Thu	Hương	05.06.2000		1853420064	K12 QLVH		
8	.03101	Phạm Thị	Hương	10.05.2000		1852040002	K2 CNM		
9	.03102	Ngô Thị	Hường	10.03.2000		1854040020	K12 TKTT		
10	.03103	Nguyễn T.Thanh	Hường	25.11.2000		1853420019	K12 QLVH		
11	.03104	Nguyễn Thu	Hường	04.12.2000		1853420065	K12 QLVH		
12	.03105	Đình Quang	Khải	01.09.1999		1754030070	K9B_TKDH		
13	.03106	Vũ Thị Ngọc	Khánh	01.06.2000		1854040065	K12 TKTT		
14	.03107	Phạm Duy	Kiên	12.11.2000		1853420082	K12 QLVH		
15	.03108	Lê Hữu	Kiệt	21.07.1999		1852050015	K6A TN		
16	.03109	Lê Tùng	Lâm	11.12.1999		1754030021	K9A_TKDH		
17	.03110	Nguyễn Đạo	Lâm	20.08.2000		1853420021	K12 QLVH		
18	.03111	Vũ Thái	Lâm	30.08.1999		1852050047	K6B TN		
19	.03112	Hoàng Nhật	Lệ	30.11.2000		1854040045	K12 TKTT		
20	.03113	Trần Phương	Liên	08.09.1999		1754030117	K9C_TKDH		
21	.03114	Đoàn Thị	Linh	17.12.1999		1852050017	K6A TN		
22	.03115	Hoàng Thị Nhật	Linh	13.04.1999		1754030072	K9B_TKDH		
23	.03116	Khương Thị Diệu	Linh	08.09.1999		1754030118	K9C_TKDH		
24	.03117	Lê Phương	Linh	07.12.1999		1752040017	K1_CNM		
25	.03118	Nguyễn Thị Thùy	Linh	03.06.2000		1854040066	K12 TKTT		
26	.03119	Nguyễn Thùy	Linh	20.04.1998		1754030022	K9A_TKDH		
27	.03120	Nguyễn Yến	Linh	07.01.2000		1853420024	K12 QLVH		
28	.03121	Phạm ánh	Linh	08.09.1998		1852050048	K6B TN		
29	.03122	Vũ Thị Thuỳ	Linh	03.10.1998		1853420044	K12 QLVH		
30	.03123	Vương Thị Châu	Linh	08.07.2000		1852050018	K6A TN		
31	.03124	Nguyễn Thành	Long	07.01.1999		1754030120	K9C_TKDH		

Tổng số 31 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG THI

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.03125	Trần Hoàng	Long	15.04.1998		1654030202	K8A_TKDH		
2	.03126	Phạm Thị	Luyến	13.12.2000		1854040026	K12 TKTT		
3	.03127	Lê Thị Hương	Ly	24.01.1999		1752050049	K5B_TN		
4	.03128	Nguyễn Hương	Ly	03.10.1999		1754030122	K9C_TKDH		
5	.03129	Nguyễn Thị Khánh	Ly	05.01.1999		1754030123	K9C_TKDH		
6	.03130	Nguyễn Thị Vân	Ly	16.03.2000		1853420057	K12 QLVH		
7	.03131	Đoàn Thị	Lý	21.12.2000		1852340005	K4 DVK-DA		
8	.03132	Nguyễn Hương	Lý	20.10.1999		1754030023	K9A_TKDH		
9	.03133	Đỗ Thị Thanh	Mai	02.10.2000		1854040027	K12 TKTT		
10	.03134	Hoàng Ngọc	Mai	14.01.1999		1754030074	K9B_TKDH		
11	.03135	Lã Thị Tuyết	Mai	09.02.1993		1652080013	K2_Piano		
12	.03136	Trần Thị Ngọc	Mai	22.01.2000		1854040028	K12 TKTT		
13	.03137	Đinh Trung	Minh	24.09.1999		1754030125	K9C_TKDH		
14	.03138	Nguyễn Đình	Minh	30.08.2000		1852050049	K6B TN		
15	.03139	Phạm Thị	Minh	04.11.2000		1854040029	K12 TKTT		
16	.03140	Vũ Triều	Minh	26.08.1999		1753420033	K11 QLVH		
17	.03141	Nguyễn Thị Huyền	My	23.10.1995		1554030037	K7A_TKĐH		
18	.03142	Nguyễn Thị Trà	My	03.02.2000		1852050020	K6A TN		
19	.03143	Bùi Như	Nam	15.02.1999		1754030076	K9B_TKDH		
20	.03144	Nguyễn Đắc	Nam	30.04.1999		1754030126	K9C_TKDH		
21	.03145	Nguyễn Vĩnh	Nam	22.09.2000		1854040030	K12 TKTT		
22	.03146	Nguyễn Thị	Nga	28.10.2000		1853420031	K12 QLVH		
23	.03147	Đoàn Thị	Ngân			doanthingan			
24	.03148	Bùi Tiến	Nghĩa	06.03.1999		1754030027	K9A_TKDH		
25	.03149	Hoàng Trọng	Nghĩa	26.11.1999		1754030127	K9C_TKDH		
26	.03150	Dương Bích	Ngọc	01.07.1999		1754030128	K9C_TKDH		
27	.03151	Hoàng Bảo	Ngọc	24.07.1999		1754030029	K9A_TKDH		
28	.03152	Hoàng Thị Minh	Ngọc	13.07.1999		1754030079	K9B_TKDH		
29	.03153	Nguyễn Phùng Minh	Ngọc	29.03.2000		1854040033	K12 TKTT		
30	.03154	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	04.10.1998		1854040032	K12 TKTT		
31	.03155	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	17.06.2000		1853420058	K12 QLVH		

Tổng số 31 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
 Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG THI

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.03156	Phạm Thị	Nhàn	19.07.1999		1754030129	K9C_TKDH		
2	.03157	Lê Thị Hoài	Nhi	15.09.1999		1754030030	K9A_TKDH		
3	.03158	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	31.12.1998		1754030080	K9B_TKDH		
4	.03159	Tạ Hoàng Lan	Nhi	11.12.2000		1853420059	K12 QLVH		
5	.03160	Đường Thị	Nhung	26.02.1999		1754030031	K9A_TKDH		
6	.03161	Hồ Thị	Nhung	22.06.2000		1854040034	K12 TKTT		
7	.03162	Lã Thị	Nhung	27.11.2000		1854040035	K12 TKTT		
8	.03163	Nguyễn Hồng	Nhung	12.12.1999		1754030081	K9B_TKDH		
9	.03164	Phùng Thị Hồng	Nhung	28.05.2000		1852050023	K6A TN		
10	.03165	Trần Thị Mai	Nhung	06.06.2000		1853420060	K12 QLVH		
11	.03166	Phạm Huy	Phát	05.12.1997		1852050051	K6B TN		
12	.03167	Lương Văn	Phong	03.01.1999		1754030032	K9A_TKDH		
13	.03168	Đàm Văn	Phúc	09.07.1996		1754030082	K9B_TKDH		
14	.03169	Nguyễn Tiến	Phúc	13.07.1999		1754030033	K9A_TKDH		
15	.03170	Dương Minh	Phương	09.07.2000		1853420034	K12 QLVH		
16	.03171	Nguyễn Thị	Phương	17.02.2000		1854040036	K12 TKTT		
17	.03172	Nguyễn Thu	Phương	07.09.1999		1754030131	K9C_TKDH		
18	.03173	Trần Thị Thu	Phương	28.08.2000		1854040037	K12 TKTT		
19	.03174	Hoàng Đình	Quang	01.05.1999		1754030034	K9A_TKDH		
20	.03175	Lưu Thị	Quế	12.05.1999		1754040030	K11A_TKTT		
21	.03176	Trần Lệ	Quyên	28.06.1999		1754030035	K9A_TKDH		
22	.03177	Trần Thị Hồng	Quyên	14.05.2000		1854040039	K12 TKTT		
23	.03178	Hà Huy	Quyên	07.07.1999		1852340009	K4 DVK-DA		
24	.03179	Chu Thị	Quyên	18.04.2000		1854040040	K12 TKTT		
25	.03180	Nguyễn Văn	Quyết	22.02.1999		1754030083	K9B_TKDH		
26	.03181	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	06.11.1996		1852340010	K4 DVK-DA		
27	.03182	Nguyễn Thanh	Sâm	03.10.1998		1852050025	K6A TN		
28	.03183	Nguyễn Văn	Sơn	25.09.1997		1852050052	K6B TN		
29	.03184	Vũ Hồng	Sơn	21.02.1999		1853420056	K12 QLVH		
30	.03185	Viên Thị	Tâm	05.03.1999		1754040031	K11A_TKTT		

Tổng số 30 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG THI

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.03186	Nguyễn Tiến	Thái	15.08.2000		1852340012	K4 DVK-DA		
2	.03187	Ngô Đại	Thanh	12.04.1999		1754030084	K9B_TKDH		
3	.03188	Ngô Thị Hải	Thanh	29.01.1998		1754030133	K9C_TKDH		
4	.03189	Bùi Duy	Thành	17.05.1999		1754030038	K9A_TKDH		
5	.03190	Đỗ Ngọc	Thành	09.05.2000		1852050027	K6A TN		
6	.03191	Nguyễn Phương	Thảo	23.09.2000		1854040074	K12 TKTT		
7	.03192	Nguyễn Thị	Thảo	28.11.1999		1754030134	K9C_TKDH		
8	.03193	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22.01.2000		1854040041	K12 TKTT		
9	.03194	Trần Thị Thanh	Thảo	20.10.2000		1853420037	K12 QLVH		
10	.03195	Vũ Thị Phương	Thảo	25.01.1999		1754030039	K9A_TKDH		
11	.03196	Quách Phương	Thắm	04.01.2000		1854040062	K12 TKTT		
12	.03197	Phạm Đức	Thắng	15.02.1999		1853420089	K12 QLVH		
13	.03198	Phạm Xuân	Thắng	16.05.1999		1754030036	K9A_TKDH		
14	.03199	Nguyễn Hữu	Thìn	22.04.2000		1852340013	K4 DVK-DA		
15	.03200	Đỗ Bảo	Thoa	05.09.2000		1854040042	K12 TKTT		
16	.03201	Nguyễn Thị Hoài	Thu	02.09.1999		1754030135	K9C_TKDH		
17	.03202	Nguyễn Thị	Thúy	21.05.2000		1854040044	K12 TKTT		
18	.03203	Trần Thị Diệu	Thúy	19.10.1999		1754030088	K9B_TKDH		
19	.03204	Phạm Thị	Thùy	08.01.1999		1754030042	K9A_TKDH		
20	.03205	Vũ Thị	Thùy	12.07.1999		1754030137	K9C_TKDH		
21	.03206	Nguyễn Thị	Thủy	13.08.1999		1754030089	K9B_TKDH		
22	.03207	Vũ Đình	Thực	14.02.1999		1754030136	K9C_TKDH		
23	.03208	Lê Thị Thủy	Tiên	21.07.2000		1854040047	K12 TKTT		
24	.03209	Phạm Thủy	Tiên	08.07.1999		1754030043	K9A_TKDH		
25	.03210	Lê Anh	Toàn	24.08.1999		1754030091	K9B_TKDH		
26	.03211	Nguyễn Đức	Toàn	07.07.2000		1854040048	K12 TKTT		
27	.03212	Bùi Thị Huyền	Trang	03.09.2000		1852050055	K6B TN		
28	.03213	Dương Thị	Trang	24.08.1999		1852340014	K4 DVK-DA		
29	.03214	Dương Thùy	Trang	28.11.1998		1854040071	K12 TKTT		
30	.03215	Đàm Thị Thùy	Trang	21.11.2000		1854040050	K12 TKTT		
31	.03216	Đào Thị Thùy	Trang	24.09.1997		1753420050	K11 QLVH		

Tổng số 31 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất **HỘI ĐỒNG THI**

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.03217	Đinh Thị Quỳnh	Trang	16.05.1999		1754040041	K11B_TKTT		
2	.03218	Lê Thị Hà	Trang	23.08.1999		1754030044	K9A_TKDH		
3	.03219	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	17.11.1999		1754030093	K9B_TKDH		
4	.03220	Nguyễn Thu	Trang	16.06.2000		1853420061	K12 QLVH		
5	.03221	Nông Thị	Trang	19.05.1990		1552080022	K1_Piano		
6	.03222	Trương Thị	Trang	07.05.2000		1854040051	K12 TKTT		
7	.03223	Vũ Thị Huyền	Trang				K4B TKĐH		
8	.03224	Trịnh Thị Tuyết	Trinh	21.11.2000		1854040072	K12 TKTT		
9	.03225	Nguyễn Thủy	Trúc	23.12.2000		1854040054	K12 TKTT		
10	.03226	Nguyễn Bảo	Trung	31.01.1999		1754030094	K9B_TKDH		
11	.03227	Nguyễn Thị	Tú	22.03.2000		1854040055	K12 TKTT		
12	.03228	Nguyễn Duy	Tuấn	21.02.1999		1754030139	K9C_TKDH		
13	.03229	Nguyễn Hoàng	Tuấn	24.12.1997		1754030095	K9B_TKDH		
14	.03230	Bùi Ngọc	Tùng				K4TKDH		
15	.03231	Hà Sơn	Tùng				K4CTKDH		
16	.03232	Lê Đức	Tùng	23.08.1997		1654030141	K8C_TKDH		
17	.03233	Tô Xuân	Tùng	14.09.1999		1754030141	K9C_TKDH		
18	.03234	Trần Thanh	Tùng	09.03.1996		1652080020	K2_Piano		
19	.03235	Nguyễn Huy	Tuyên	12.12.1999		1754030047	K9A_TKDH		
20	.03236	Nguyễn Thị	Tuyết	27.02.1999		1754030142	K9C_TKDH		
21	.03237	Nguyễn Thị Thu	Uyên	31.12.1999		1853420042	K12 QLVH		
22	.03238	Nguyễn Thị Thu	Uyên	22.08.2000		1854040057	K12 TKTT		
23	.03239	Phan Thị Tố	Uyên	14.09.2000		1854040056	K12 TKTT		
24	.03240	Trần Thị Tố	Uyên	04.07.2000		1854040063	K12 TKTT		
25	.03241	Lại Hà	Vân	02.05.1999		1754030048	K9A_TKDH		
26	.03242	Đỗ Tuyết	Vi	20.03.1999		1754030098	K9B_TKDH		
27	.03243	Vũ Đức	Việt	27.04.1997		1852050057	K6B TN		
28	.03244	Bùi Quang	Vinh	05.10.1999		1754030143	K9C_TKDH		
29	.03245	Nguyễn Thị Hồng	Vy	06.08.2000		1852050035	K6A TN		
30	.03246	Phạm Thị Hà	Vy	08.03.1998		1853420063	K12 QLVH		
31	.03247	Bùi Thanh	Xuân	03.02.1999		1754030049	K9A_TKDH		
32	.03248	Hoàng	Yến	08.04.2000		1854040059	K12 TKTT		
33	.03249	Nguyễn Hải	Yến	22.09.1999		1754030050	K9A_TKDH		
34	.03250	Nguyễn Thị	Yến	07.10.1999		1754030144	K9C_TKDH		
35	.03251	Nguyễn Thị Hải	Yến	24.12.2000		1854040060	K12 TKTT		

Tổng số 35 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG THI

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai